

Bs Nguyệt Thị Minh Hiếu -

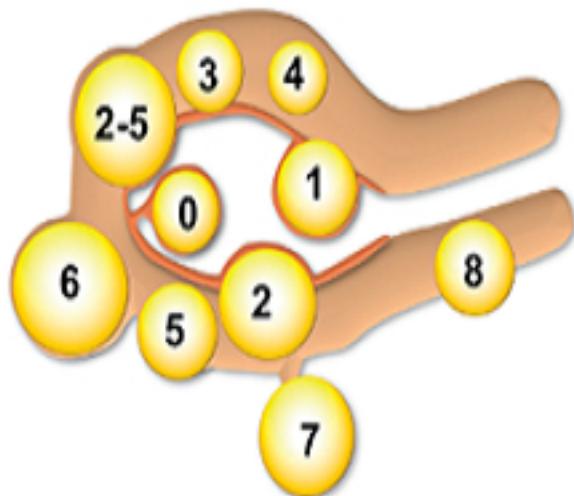
U xù cù tì cung (leiomyoma - UXCTC), trùc đây thòng đùc gùi theo u xù tì cung, là khái u lành tính không rõ nguyên nhân do sù phát triển quá mức cùa sùi cùa trùn và mô liên kùt tì cung . Bùn có khuynh hùng di truyùn.

1. YÙ U TÙ NGUY CÙ

Có nhìu yùu tò nguy cù làm gia tăng tò lò phát sinh UXCTC bao gùm :

- Tuì. Tùn suùt xuùt hiùn UXCTC tăng theo tuì . Tù lò mùc bùn sù giùm lò nhóm phù nù tuì mân kinh.
- Chùng tòc. Tù lò mùi mùc UXCTC không khác biùt giùa ngùi da trùng, chàu Á và Mù Latin. Tuy nhiên, ngùi da đen có nguy cù phát triển UXCTC cao hùn 2 đùn 3 lòn . -
- Tiùn sù gia đình bù UXCTC làm tăng nguy cù cho ngùi phù nù hùn 3 lòn (Lumbiganon và cs, 1996).
- Các yùu tò di truyùn. Mùt sù gene (nhù MED12, HMGA2, CYP1A1, và CYP1B1) (4) và các bùt thùng nhìùm sùc thù (trisomy 12; đùo đùo 12q, 6p, 10q, 13q; và mùt đùo 7q, 3q, 1p) đùc tìm thùy có liên quan đùn sù hình thành và phát triển cùa UXCTC.
- Khoòng cách so vùi lùn sinh con trùc đây. Khoòng cách tò 5 năm trù lèn làm tăng nguy cù phát triển UXCTC lèn 2-3 lòn .
- Giai đùo 10 tiùn mân kinh có nguy cù bù UXCTC cao hùn đùn 10 lòn giai đùo 10 mân kinh . Đùng thùi, tyù lò UXCTC có triùu chùng cũng cao hùn 3 lòn .
- Rùi loùn chuyùn hóa: Béo phì, kháng insulin, hùi chùng buùng trùng đa nang, tăng lipid máu, tăng huyết áp... là nhùng yùu tò gây ra hùi chùng chuyùn hóa và đùu góp phùn làm gia tăng nguy cù phát triển UXCTC. Riêng phù nù có bùn lý tăng huyết áp có thù làm gia tăng gùn 5 lòn nguy cù phát triển UXCTC so vùi phù nù không tăng huyết áp .

FIGO Leiomyoma Subclassification System



Polyp	Submucous	Coagulopathy
Adenomyosis		Ovulatory dysfunction
Leiomyoma		Endometrial
Malignancy & hyperplasia		Iatrogenic
		Not otherwise classified

SM - Submucous	0	Pedunculated intracavitory
	1	<50% intramural
	2	≥50% intramural
	3	Contacts endometrium; 100% intramural
	4	Intramural
O - Other	5	Subserous ≥50% intramural
	6	Subserous <50% intramural
	7	Subserous pedunculated
	8	Other (specify e.g. cervical, parasitic)
Hybrid		Two numbers are listed separated by a hyphen. By convention, the first refers to the relationship with the endometrium while the second refers to the relationship to the serosa. One example is below.
(contact both the endometrium and the serosa)	2-5	Submucous and subserous, each with less than half the diameter in the endometrial and peritoneal cavities, respectively.

© Malcolm G. Munro MD

Figure 1. FIGO Abnormal Uterine Bleeding System 2 classification system including the FIGO leiomyoma subclassification system. Abbreviation: FIGO, International Federation of Gynecology and Obstetrics. (Reprinted from Munro MG, Critchley HO, Fraser IS. The two FIGO systems for normal and abnormal uterine bleeding symptoms and classification of causes of abnormal uterine bleeding in the reproductive years: 2018 revisions. FIGO Menstrual Disorders Committee [published erratum appears in Int J Gynaecol Obstet 2019; 144:237]. Int J Gynaecol Obstet 2018; 143:393–408.)

[Xem tiếp tì i đây](#)